

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 Khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 Khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây gọi là Kết luận số 50-KL/TW), Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Kế hoạch Triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW (sau đây gọi là Kế hoạch của Ban Cán sự đảng) như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ và Chiến lược phát triển KH&CN ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2030.

2. Tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Ban chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về Thể dục thể thao đến năm 2020; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

3. Coi trọng cả 3 hướng nghiên cứu: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu phục vụ xây dựng chính sách. Nâng cao chất lượng các đề tài



khoa học và công nghệ, tăng cường ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào hoạt động quản lý, phát triển sự nghiệp của ngành.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục thực hiện động phong trào thi đua “Đổi mới quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” đã được phê duyệt tại Quyết định số 3212/QĐ-BVHTTDL ngày 25/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu góp phần phát triển các ngành công nghiệp văn hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 về Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu về tác động và ứng dụng công nghệ 4.0 vào các lĩnh vực của ngành, trong đó ưu tiên xây dựng các sản phẩm chủ lực cho ngành du lịch và các ngành công nghiệp văn hóa.

4. Chủ động xây dựng định hướng hoạt động khoa học và công nghệ và các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Bộ sau khi Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 và Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống TCVN đến năm 2020; đào tạo nâng cao năng lực xây dựng TCVN, QCVN, kiểm định viên đo lường, kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tập trung soát xét, xây dựng TCVN cho các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của ngành; TCVN cho lĩnh vực đô thị thông minh, sản xuất thông minh.

6. Chú trọng ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt tại Quyết định số 3968/QĐ-BVHTTDL ngày 15/11/2016. Tăng cường nghiên cứu, quản lý và thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao, du lịch và gia đình,

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Lĩnh vực văn hóa

1.1. Nghiên cứu các chuẩn mực về ứng xử văn hóa góp phần ngăn chặn xuống cấp đạo đức, khắc phục những mặt còn hạn chế của con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

1.2. Đề xuất các giải pháp xây dựng thể chế và môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng thị trường văn hóa, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa.

1.3. Nghiên cứu xây dựng hệ thống lý thuyết và quy trình công nghệ giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, văn hóa các dân tộc thiểu số, phát

triển sự nghiệp văn học nghệ thuật, phát huy các giá trị tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng. Xây dựng các giải pháp hoạt động nhằm sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, nâng cao hiệu quả phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

1.4. Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp và doanh nhân; nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật để tạo ra nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật.

1.5. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng sáng tác tác phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đặc biệt ưu tiên các dân tộc có số dân rất ít người; Bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống.

1.6. Chú trọng nghiên cứu các công nghệ mới là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý văn hóa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân trong thời đại mới.

2. Lĩnh vực Thể dục thể thao

2.1. Thể thao thành tích cao

- Ứng dụng khoa học và công nghệ hoàn thiện các giải pháp tuyển chọn đào tạo, huấn luyện vận động viên các môn thể thao Olympic Việt Nam có thế mạnh.

- Xây dựng cơ chế quản lý, chế độ, chính sách đặc thù đối với vận động viên và huấn luyện viên thể thao.

- Xây dựng mô hình quản lý thể thao chuyên nghiệp ở Việt Nam phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh nghiên cứu về tác động và ứng dụng công nghệ 4.0 đối với phát triển thể thao thành tích cao và kinh tế thể thao.

2.2. Thể thao cho mọi người

- Nghiên cứu mô hình và các giải pháp phát triển thể dục, thể thao cho mọi người gắn với phong trào “Xây dựng gia đình văn hóa” và “Xây dựng nông thôn mới” và nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học.

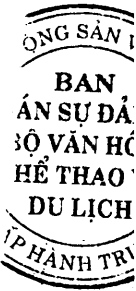
- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và phát triển thể thao cho người khuyết tật.

2.3. Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao gắn với phát triển du lịch.

3. Lĩnh vực Du lịch

3.1. Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách và các giải pháp nhằm xây dựng ngành du lịch phát triển theo chiều sâu, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn tạo động lực cho các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

3.2. Xây dựng thương hiệu, xúc tiến quảng bá, phát triển thị trường, nâng cao tính chuyên nghiệp.



3.3. Nghiên cứu các giải pháp nhằm khai thác các giá trị di sản văn hóa, thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, hệ thống các bảo tàng và giữ gìn vệ sinh môi trường để phát triển du lịch bền vững.

3.4. Xây dựng sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa vùng miền hạn chế sự trùng lặp về sản phẩm du lịch.

3.5. Đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về Du lịch và ứng xử văn hóa trong hoạt động du lịch.

4. Lĩnh vực Gia đình

4.1. Nghiên cứu các giải pháp góp phần thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

4.2. Tổng kết cơ sở lý luận và thực tiễn về phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình Việt Nam; xây dựng chuẩn mực văn hóa ứng xử trong gia đình gắn kết chặt chẽ với nhà trường và xã hội.

4.3. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu.

4.4. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác gia đình đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng và các đơn vị thuộc Bộ, trước hết là người đứng đầu căn cứ Kế hoạch của Ban Cán sự đảng, chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN thuộc phạm vi quản lý của đơn vị. Đưa nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN thành nhiệm vụ thường xuyên và là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua của đơn vị.

2. Đẩy mạnh hoạt động tự chủ, phát huy vai trò nòng cốt, chủ động sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Viện nghiên cứu thuộc Bộ theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các nhà khoa học, kỹ thuật viên lành nghề; chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học đầu ngành, thực hiện tốt chính sách trọng dụng các chuyên gia, các nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao theo quy định của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. Quy hoạch và đào tạo phát triển nguồn nhân lực theo hướng đồng bộ, cân đối trên từng lĩnh vực, chuyên ngành phù hợp mục tiêu Đề án “Xây dựng đội ngũ trí thức ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch đến năm 2020” và Chiến lược phát triển nguồn nhân lực văn hoá, thể thao và du lịch phục vụ cho nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ.

4. Hàng năm, tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học, các lớp tập huấn chuyên sâu về khoa học và công nghệ cho từng ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ các nhà khoa học, giảng viên cán bộ làm công tác khoa học của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

5. Gắn nghiên cứu khoa học với nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục, khuyến khích sinh viên, cán bộ khoa học trẻ tham gia các hoạt động nghiên cứu, từng bước hình thành mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ đủ mạnh để tham gia hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

6. Tập trung nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để giải quyết những vấn đề nghiên cứu có tính cấp bách trong hoạt động thực tiễn của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được ghi trong các chiến lược, kế hoạch hành động. Các đơn vị chủ động tìm kiếm và huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị. Đa dạng hóa đối tác và thúc đẩy hợp tác quốc tế về khoa học có trọng tâm, trọng điểm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

a) Chủ trì tổ chức tập huấn, hội thảo phổ biến triển khai Kế hoạch của Ban Cán sự đảng.

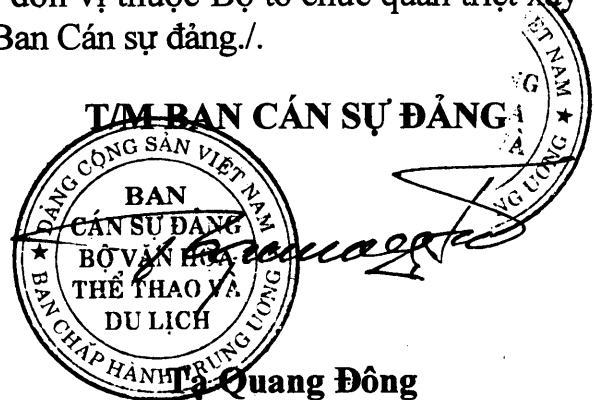
b) Kiểm tra việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN tại các đơn vị thuộc Bộ.

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc triển khai Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW của Ban Bí thư báo cáo Ban Cán sự đảng.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng và các đơn vị thuộc Bộ tổ chức quán triệt xây dựng kế hoạch và triển khai Kế hoạch của Ban Cán sự đảng./.

Nơi nhận:

- Các thành viên Ban Cán sự đảng,
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ,
- Lưu VPBCSD, KHCN&MT, PL (60).



Hà Quang Đông